

TIẾP CẬN HOA VĂN TRÊN TRANG PHỤC CỦA NGƯỜI MÔNG Ở LÀO CAI TỪ LÝ THUYẾT BIỂU TƯỢNG

NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

Email: minhngoc.0210@yahoo.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

APPROACHING SYMBOLS ON THE COSTUMES OF MONG PEOPLE IN LAOCAI FROM SYMBOLISM THEORY

TÓM TẮT



ABSTRACT

Hoa văn là thành tố quan trọng tạo dựng nên giá trị của trang phục và khẳng định tư duy, tình cảm, bàn tay khéo léo, sự sáng tạo, óc thẩm mỹ của cộng đồng dân cư, một thể hệ đấu tranh, sinh tồn hay nói rộng hơn, đó là “lát cắt” của một nền văn hoá.

Phát hiện ra tín hiệu hoa văn trên trang phục của người Mông không thể là việc làm giản đơn. Đó là quá trình tiếp cận lâu dài, đúng hướng, tìm đến đúng nghĩa của các tín hiệu hoa văn. Để tiếp cận hoa văn trên trang phục của người Mông, tác giả đã tìm hiểu

Lý thuyết biểu tượng để nhận diện các vấn đề kỹ thuật, mỹ thuật, giá trị và ý nghĩa của hoa văn. Tiếp cận hoa văn trên trang phục của người Mông “là một trong những phương pháp không chỉ nhằm tìm hiểu con người mà còn cắt nghĩa thế giới ở những tầng sâu xa nhất” như cách nói của Leslie A. White. Trong khuôn khổ của một bài viết, những nỗ lực của tác giả chỉ là bước đầu, đặt nền tảng cho các nghiên cứu tiếp sau đi đến kết quả sâu hơn.

Từ khóa: Tín hiệu, hoa văn, tiếp cận, mỹ thuật, ý nghĩa

Pattern is an important element that creates the value of costumes and affirms the thinking, affection, skillful hands, creativity, aesthetics of the community, a generation of struggle and survival. or more broadly, it is the “slice” of a culture.

Discovering pattern symbols on the costumes of Mong people can not be a simple search. It is needed a long term and proper approach to look for the true meanings of the pattern symbols. To access patterns on the costumes of Mong people, the author applies the symbolism theory to identify the technical issues, aesthetics, values, and meaning of the patterns. Accessing patterns on the costumes of Mong people “is one way to find out not only human being, but also to explain the world in the deepest layer,” as the voice of Leslie A. White. Within the framework of an article, the author's effort is just the beginning, laid the foundation for further studies.

Keywords: Pattern, symbols, approaching, fine-art, meanings

Mở đầu

Trong tiến trình lịch sử, các hiện vật, các di tích... chỉ có thể được đánh thức một cách sống động và có độ tin cậy khi nghiên cứu, giải mã các yếu tố tạo hình trên nó. Trang phục là một sản phẩm của nghệ thuật tạo hình, hoa văn trên trang phục là ngôn ngữ chân thực để người ta có thể đọc lại, chiêm nghiệm lại những thông tin về tộc người là chủ nhân sáng tạo ra chính hoa văn đó. Song hành cùng với sự phát triển đời sống cộng đồng dân cư dù lớn hay nhỏ là những biến đổi của nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ. Giá trị thẩm mỹ góp phần phản ánh sự tồn tại, phát triển hay suy vong của một cộng đồng. Vật chất thì có thể thay đổi và mất đi bởi tính khắc nghiệt của thời gian, nhưng giá trị thẩm mỹ thì đọng lại bền bỉ và thay đổi theo biến cố xã hội.

Hoa văn, trước hết đó là một biểu hiện của quan niệm

thẩm mỹ, thông qua các mô típ, bố cục, màu sắc, kỹ thuật... Mặt khác, trong đời sống cổ truyền của các dân tộc nó còn phản ánh những khía cạnh tâm lý, xã hội khác, như tín ngưỡng chứa đựng bên trong các hình vẽ, màu sắc, các phong cách bố cục hoa văn ấy là bản sắc văn hoá dân tộc, là tiến trình phát triển của lịch sử văn hoá của các tộc người. Sự gắn kết của hoa văn với đời sống của con người nói chung và người Mông nói riêng được biểu hiện qua tất cả những hoạt động từ quá khứ cho đến hiện tại. Không đơn giản chỉ là những dấu tích còn sót lại, mối quan hệ giữa hoa văn và chủ thể sáng tạo ra nó vận động và liên tục tạo ra những móc xích gắn kết mới. Vậy nên, trong văn hoá, nghệ thuật, mỹ thuật dân gian hay hiện đại, hoa văn tồn tại như là biểu tượng với các lớp nghĩa đa dạng, phong phú. Có thể nhận ra, đối với mỹ thuật dân gian, hoa văn đã xuất hiện với tư cách của một biểu tượng ẩn chứa nhiều lớp trầm tích văn hoá.

** Hoa văn*

Hoa văn là hệ thống các tín hiệu ký hiệu, biểu tượng, hiện tượng văn hoá với nhiều chủng loại như hình học, động vật, thực vật, kỹ hà, hình tượng tả thực về con người, các hiện tượng tự nhiên như mặt trời, trăng, sao, sóng nước... do các cộng đồng tộc người sáng tạo ra tương thích với các loại hình văn hoá vật thể như kiến trúc, đồ dùng, nhạc cụ, trang phục, phương tiện vận chuyển, phương tiện đi lại, trong đời sống lao động thường nhật và trong tín ngưỡng, tôn giáo và được con người sử dụng theo tập tục, nếp sống văn hoá.

Theo quan niệm khái quát, *Hoa văn là hình trang trí được vẽ, chạm, khắc trên các đồ vật.*

Nghiên cứu biểu tượng đã được các nhà khoa học trên thế giới đề cập đến khá sớm thông qua các chuyên ngành khoa học như toán học, triết học, nghệ thuật học, sử học, xã hội học... Tuy nhiên, các lĩnh vực nghiên cứu trên chỉ mới ít nhiều đề cập đến *biểu tượng* mà chưa có một chuyên ngành độc lập nào nghiên cứu chuyên sâu về biểu tượng. Chuyên ngành đầu tiên đề cập đến các biểu tượng như một chuyên ngành khoa học độc lập là ký hiệu học (semiotics/semiology) vào đầu thế kỷ XX, với Ferdinand de Saussure được cho là cha đẻ của bộ môn ký hiệu học cùng với Charles Sander Peirce. Ký hiệu học là bộ môn nghiên cứu ý nghĩa của các ký hiệu, tín hiệu, biểu tượng, hiện tượng văn hoá... và hành vi sử dụng chúng, đồng thời giải nghĩa các thành tố văn hoá do con người tạo ra trong quá trình phát triển của văn hoá như ngôn ngữ, biểu tượng, hoạt động... của con người.

Theo Ferdinand de Saussure và Charles Sander Peirce, các biểu tượng có tính chất đặc thù là *luôn biến đổi theo thời gian và không gian và có đặc tính căn bản là tính thông tin và giao tiếp.* Do vậy, con người ngay từ thời tiền sử đã biết sử dụng các biểu tượng như một loại ngôn ngữ để giao tiếp khi hệ thống ngôn ngữ nói và hệ thống chữ viết chưa hoàn thiện. Đến nay, con người vẫn tiếp tục sử dụng loại ngôn ngữ biểu tượng trong hầu hết mọi thành tố văn hoá xã hội. Nhiều loại biểu tượng và ngôn ngữ biểu tượng đã trở thành những ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu như các biểu tượng tôn giáo hay biểu tượng thương hiệu... Do vậy, nghiên cứu ngôn ngữ biểu tượng trong đó có hoa văn nói chung và hoa văn trên đồ vải nói chung của một tộc người cũng chính là nghiên cứu văn hoá, bản sắc, tâm lý của tộc người.

Về mặt thuật ngữ, biểu tượng - *symbol* trong tiếng Anh là một từ bắt nguồn từ ngôn ngữ cổ ở châu Âu - *symbolus* trong tiếng La Mã và *symbolon* trong tiếng Hy Lạp. Theo *Từ điển biểu tượng* (Dictionary of Symbols) của C.G. Liungman thì "*những gì được gọi là biểu tượng khi nó được một nhóm người đồng ý*

rằng nó có nhiều hơn một ý nghĩa là đại diện cho chính bản thân nó". Biểu tượng có thể chia làm hai nghĩa chính là biểu hình và biểu ý. Ở giai đoạn ban đầu biểu tượng thường mang tính đơn giản và ước lệ; về sau, do sự phát triển của xã hội loài người, biểu tượng ngày càng được mở rộng đến mọi thành tố văn hoá và mọi mặt đời sống của con người.

Biểu tượng là một thuật ngữ khá quen thuộc trong đời sống thường ngày và đời sống học thuật. Tính đa nghĩa của biểu tượng đã tạo ra sức hút đối với các nhà nghiên cứu, vì vậy, mỗi ngành khoa học lại gửi gắm một nội hàm riêng cho thuật ngữ này. *Để tiếp cận và giải mã hoa văn trên trang phục của người Mông ở Lào Cai*, Lý thuyết Biểu tượng là cơ sở khoa học để tác giả thực hiện theo những định hướng sau:

1. Tiếp cận bối cảnh lịch sử, kinh tế - xã hội, văn hoá, môi trường tộc người - điều kiện sâu xa và trực tiếp cho sự sáng tạo các giá trị hoa văn của cộng đồng người Mông

Là một dân tộc sớm đạt trình độ phát triển khá cao về tổ chức đời sống xã hội và bảo lưu được nhiều sắc thái văn hoá đặc sắc, người Mông trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều cá nhân, thành phần, tổ chức xã hội khác nhau với những mục đích cụ thể. Trong đời sống tộc người Mông, trang phục có vai trò đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu về trang phục cũng chính là nghiên cứu về lịch sử và văn hoá tộc người; vừa nghiên cứu văn hoá vật thể, vừa nghiên cứu văn hoá phi vật thể của người Mông.

Nhận diện hoa văn trên trang phục của tộc người Mông trước hết là sự tiếp cận các tiền đề tạo nên đặc điểm của "chủ thể văn hoá" - cộng đồng Mông với các yếu tố liên quan. Sẽ rất hạn hẹp trong nhận diện hình thức và nội dung, trong phát hiện bản chất hoa văn trên trang phục của tộc người Mông nếu như không nhận diện, hiểu biết nhất định về bối cảnh lịch sử, kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hoá, các vấn đề về môi trường sinh sống của tộc người. Đó là những điều kiện sâu xa và trực tiếp cho sự sáng tạo các giá trị hoa văn của cộng đồng Mông nói chung và trên trang phục nói riêng.

Sẽ không lý giải được những mô típ hoa văn hình "sóng nước" hay "con ốc"... trên trang phục cũng như nhiều mô típ hoa văn khác của người Mông khi đồng bào đang sinh sống trên núi cao. Nhiều mô típ hoa văn gắn bó và phản ánh quá trình lịch sử, môi trường sinh sống... của cộng đồng Mông.

Đây là nội dung quan trọng để nhận diện và giải mã được những điều kiện vật chất, kinh tế - xã hội, môi trường sinh sống để cộng đồng người Mông hình thành ý tưởng, sáng tạo, định hình các loại hình mô típ hoa văn và xem "trang phục" là môi trường để cho

hoa văn tồn tại, đồng hành, phổ biến trong đời sống tộc người.

Người Mông di cư bằng đường thủy, hình sóng nước gợi nhớ cuộc thiên di của tiên tổ. Nguồn nước cũng là nguồn sống của con người và vạn vật. Cấu trúc đồ thức trang trí hình sóng nước là tập hợp những mô típ đơn lẻ, đơn giản về hình, chủ yếu là những hình học được sắp xếp liên tiếp với nhau. Xen lẫn là mô típ hình chữ S nằm ngang, họa tiết hình vuông xếp chồng lên nhau được thể hiện bằng kỹ thuật ghép vải màu. Thị giác rất khó nhận diện khi các hoa văn hình sóng nước đứng độc lập. Mỗi cấu trúc ấy được nhắc lại, lặp lại xung quanh gấu váy, làm người ta cảm nhận được “nguồn nước” hoặc “sóng nước” khi dải hoa văn đó đứng trong một tổng thể chung. Những khắc họa bằng hoa văn có thể đa nghĩa nhưng sự chấp nối theo chủ ý mô tả về chặng đường thiên di của tộc người để từ đó dẫn dắt tư duy đến những sự liên tưởng khá thú vị. Từng họa tiết, từng đồ thức được sáng tạo trên bộ trang phục của người Mông đều có ý nghĩa. Đó không chỉ đơn thuần là sắc thái của một cá nhân, một cuộc đời mà là thăng trầm của cả tộc người đã trải qua, thấm đẫm và “hằn sâu” trong tâm khảm nhiều số phận cuộc đời. Biểu tượng về nguồn nước được nhiều tộc người sử dụng nhưng đối với người Mông, biểu tượng sóng nước còn ẩn chứa bản thiên hùng ca bi tráng về con đường di cư đầy cam go.

Cũng như các thành tố khác, hoa văn trên trang phục của người Mông được hình thành qua cả một quá trình, được tích lũy và kết tinh lại qua sự vận động của đời sống xã hội. Tính lịch sử làm cho hoa văn được khẳng định vị trí, được xem như tri thức sống của cả cộng đồng và là tín hiệu nhận diện của dân tộc Mông.

Trải qua nhiều thời kỳ thăng trầm của lịch sử, người Mông đã phát triển theo chiều hướng riêng của mình, tạo nên một nền văn hoá khác biệt, trong đó vừa có sự kế thừa truyền thống vừa tiếp thu nhiều nền văn hoá khác nhau. Nhờ đó, văn hoá Mông là một bộ phận của nền văn hoá Việt Nam, vừa là bộ phận của nền văn hoá Đông Nam Á.

Mô típ hình xoắn tròn ốc được coi là một trong những mô típ trang trí đặc trưng của người Mông. Mô típ này còn được thấy trên các đồ gốm và đồng Trung Hoa thời nhà Thương [năm 1600 - 1028 TCN], đời nhà Chu [năm 1028 - 257 TCN]. Những hoa văn đó có tên gọi như “hồi văn”, hình xoắn ốc. Như vậy, phải chăng những hoa văn mà người Mông sử dụng có lịch sử rất lâu đời, có nguồn gốc gần gũi với văn hóa của người Hán giai đoạn Thương - Chu và mang những giá trị biểu tượng về mong muốn cầu no đủ.

Mô típ hình xoắn tròn ốc của người Mông cũng rất

gần gũi với mô típ hình chữ S nằm ngang từng xuất hiện trên nhiều đồ án trang trí Đông Sơn - nền văn hóa tồn tại trong suốt nửa sau của thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên tại khu vực Bắc Bộ, Việt Nam đến khác khu vực khác ở Lào, Campuchia và Indonesia... Mô típ này được sử dụng để trang trí trên các bệ đá thế kỷ VII ở Mỹ Sơn (Duy Tiên - Quảng Nam), các bức chạm khắc đá tại Angkor Vat, Angkor Thom (Campuchia) thế kỷ XII - XIII, và ở tượng Phật đồng bằng ở vùng Tây Bắc của Lào. Như vậy có thể tin rằng hoa văn hình xoắn ốc của người Mông đã được gây cảm hứng bởi nghệ thuật Đông Dương sớm hơn.



Hình 1: Hoa văn xoắn ốc (ảnh của tác giả - 2018)

Cũng như các thành tố khác, hoa văn trên trang phục của người Mông được hình thành qua cả một quá trình, được tích lũy và kết tinh lại qua sự vận động của đời sống xã hội. Tính lịch sử làm cho hoa văn được khẳng định vị trí, được xem như tri thức sống của cả cộng đồng và là tín hiệu nhận diện của dân tộc Mông.

2. Hoa văn trên trang phục của người Mông với tư cách là một biểu hiện văn hoá, nghệ thuật được ký hiệu hoá thành những biểu tượng của cộng đồng

Chúng ta có thể thấy, hoa văn trên trang phục của đồng bào các dân tộc thiểu số nước ta có ngôn ngữ tạo hình mang tính biểu tượng rất cao. Hoa văn của mỗi tộc người đều có những nét đặc trưng riêng biệt về mô típ, về màu sắc cũng như bố cục sắp xếp hoa văn. Hoa văn trên trang phục của người Mông được truyền từ đời này sang đời khác, thậm chí còn được truyền từ người này sang người khác một cách tự nhiên, ở bất cứ đâu và trở thành thói quen, thành yếu tố tâm lý thẩm mỹ mang tính cộng đồng. Với người Mông, việc sáng tạo và sử dụng các mô típ hoa văn trang trí phải trải qua nhiều thế hệ, được cộng đồng cùng thừa nhận, bảo lưu, duy trì mới được coi là biểu tượng, khuôn mẫu biểu trưng cho tộc người.

Mỗi loại hình hoa văn của cộng đồng Mông (như các mô típ: Răng cưa, tam giác, ngôi sao tám cánh, móc câu, chữ thập, hoa thị, ốc rỗng, rắn giun, con cua, con chim, móng chân gà, đồng tiền que trồng, hoa tim đen, hoa vuông góc, hoa tỏi, quả trám, que trồng, hoa quay vòng, chữ H, hình vuông, hoa dâu da...) đều chuyển tải sau đó những thông điệp về nghệ thuật, mỹ thuật dân gian, giá trị văn hoá tộc người. Với sự

ARTS

kết hợp các hoa văn, tổng thể trên một bình diện trang trí trên trang phục của người Mông rất phong phú và mang yếu tố tạo hình khá phức tạp. Có thể nhận thấy về bản chất hệ thống tạo hình hoa văn trang trí trên trang phục được tạo nên bởi hệ thống hoa văn hình học sắp xếp theo nguyên tắc nhắc lại, xen kẽ, liên tục. Hoa văn đảm đương nhiệm vụ khác nhau ở các vị trí nhất định và được kết cấu thành hệ thống có tổ chức chặt chẽ. Các đơn nguyên cấu trúc vừa sinh động vừa mang đủ yếu tố tạo hình; cấu trúc này gọi cho ta sự liên tưởng tính bền vững, sinh động và tính sáng tạo trong tư duy tạo hình cả cộng đồng đã chất lọc tạo ra những mẫu hoa văn độc đáo.

Thông qua các mối liên hệ với nhau, các sản phẩm dệt còn là một yếu tố liên kết khối cộng đồng. Hoa văn trang trí chính là tín hiệu để biểu đạt tâm tư mà người ta dễ cảm nhận, dễ gần gũi và hoà đồng. Và rồi khi những tín hiệu đó là tài sản chung thì nó sẽ trở thành biểu tượng của cộng đồng. Mặt khác, hoa văn còn là tín hiệu để thể hiện mối quan hệ rộng lớn giữa các tộc người khác nhau. Đó là các yếu tố vay mượn sao chép. Ngoài ra trong phong cách trang trí và tính quy phạm của các loại hoa văn với màu sắc của nó cũng thể hiện những phong tục trong cộng đồng.

Từ giá trị căn bản là bảo vệ sự sinh tồn của dân tộc, người Mông luôn đề cao giá trị cố kết cộng đồng. Trong ý thức cộng đồng, người Mông có nét đặc thù là đề cao cộng đồng huyết thống (gia đình, dòng họ) hơn cộng đồng láng giềng. Đặc điểm này phản ánh đậm nét trong các hoa văn trên trang phục. Hoa văn con sên biểu hiện của tình thân, sự thịnh vượng cho gia đình. Hình xoắn đối ngược của nó hay hai con sên cho sự phát triển và hoà hợp giữa hai dòng họ. Viên kim cương, hình vuông ý chỉ bàn thờ ông bà trong nhà cho sự bảo vệ của tổ tiên trước con cháu. Hoa văn lưỡi câu cầu chúc cho cô gái lấy được chồng tốt.

Hoa văn hình hoa bầu: mô típ này có tần số xuất hiện không nhiều, thường được trang trí là nền cho các mảng hoa văn chính. Nương bầu tượng trưng cho số nhiều, quả bầu có nhiều hạt nên hình tượng quả bầu có ý nghĩa tâm linh rất lớn trong đời sống người Mông. Trong các gia đình người Mông thường khoét một lỗ nhỏ để hở cái bầu tròn của quả bầu ra ngoài, để mong muốn con cái được vuông tròn như ý.

Hoa văn hình hoa bí: cũng như hoa bầu, hoa bí có tần số xuất hiện ít, được thể hiện trên vải bằng kỹ thuật thêu chỉ màu. Quả bí tượng trưng cho sự đông con, nối dõi. Quả bí còn sinh ra các đũng sĩ tài ba trong truyện cổ tích thần kỳ của người Mông. Do đó hoa dưa, cây bí đã đi vào dân ca, vào nghệ thuật trang trí, là mẫu hoa văn được các cô gái trẻ ưu thích trang trí nhiều nhất trong gấu váy và hai tấm vải che váy.

Hoa văn hình hoa đào: mô típ này xuất hiện khá nhiều trên váy, áo, tạp dề và là hoa văn chính của nhiều đồ án. Hoa đào có cánh hoa, nhị hoa đều thêu bằng chỉ màu đỏ. Cây đào là loại cây sát quý, trừ tà đồng thời là biểu trưng cho niềm hạnh phúc, sự no đủ. Hoa đào nở rộ và đẹp nhất vào mùa xuân, mùa tượng trưng cho sự cưới hỏi; nên hoa đào được người Mông dùng để ngụ ý chuyện hôn nhân, cầu trường thọ.

Hoa văn con rết: biểu hiện được mọi người kính trọng và tài chữa bệnh. Hoa văn hình tam giác, cái răng, vây cá, hàng rào giúp lưu giữ linh hồn tốt, xua đuổi tà ma. Hoa văn ngôi sao tám cánh biểu tượng của bất tịnh cát tường.



Hình 2: Mô típ Ngôi sao tám cánh
(ảnh của tác giả - 2018)

Trang phục dân tộc Mông hầu như không có sự biến đổi về hoa văn truyền thống trong một thời gian dài của lịch sử. Chính sự ngưng đọng ấy làm cho việc nghiên cứu càng trở nên lý thú. Nhận xét đầu tiên cho thấy rằng, hoa văn của người Mông vốn là hồi âm của nhiều đời người, từ đời này sang đời khác mà không dễ bị biến đổi, mai một. Hoa văn trên trang phục, nơi dấu vết thời gian hằn sâu từng sợi vải màu; giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hoá vẫn sáng lung linh, huyền ảo trong sự ngỡ ngàng của bất kỳ hệ quy chiếu ở một nền văn hoá, văn minh nào.

Đây là cách tiếp cận cơ bản song mỗi tộc người đều có phong cách tạo hình, quan niệm thẩm mỹ riêng mà không dễ gì người nghiên cứu có thể giải mã ngay được. Bên cạnh đó, việc tiếp cận, nghiên cứu và giải mã hoa văn sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm một chiều quan trọng: chiều lịch sử.

3. Nhận diện và giải mã hoa văn trên trang phục của người Mông thể hiện qua sự biểu cảm của màu sắc

Màu sắc là yếu tố quan trọng trên một sản phẩm trang trí. Với trang trí trên trang phục của người Mông, màu sắc góp phần không nhỏ cho sự thành công, tính độc đáo và tạo nên sắc thái biệt lập với các cộng đồng cư dân miền núi khác. Nếu sự cầu kỳ của hoa văn tạo cho người xem có cảm giác về lối tư duy đa chiều nhưng chặt chẽ thì sự lung linh của màu sắc khiến cho người ta cảm nhận được đời sống nội tâm phong phú và sâu lắng.

Một trong đặc trưng của hoa văn trên trang phục khác với hoa văn trên nhiều chất liệu khác như đồng, gỗ,

ARTS

sùng... là lợi thế phổ biến được màu sắc của nền, của các chủng loại mô típ hoa văn. Các màu nóng, lạnh, cùng gam hay tương phản, màu nguyên dân gian... làm cho ý đồ tạo hình, ý đồ phổ biến có tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm, tư duy, ấn tượng của những ai được chứng kiến. Màu sắc từ tổng thể đến chi tiết đều toát lên cách nhìn, lối tư duy độc đáo, sáng tạo của cá nhân trong mối quan hệ cộng đồng. Những sắc thái riêng biệt trên từng hoa văn cũng như “tổng phổ” chung của các hình thức trang trí trên trang phục tạo nên bộ trang phục vừa có giá trị nghệ thuật vừa mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Người phụ nữ Mông quả thật là những nghệ nhân trong việc phối màu trong trang trí trang phục. Trước hết, phụ nữ Mông không chỉ dùng màu đỏ làm họa tiết hoa văn mà còn làm màu nền cho dải vải chứa các họa tiết. Màu đỏ trở thành một thứ nền trung gian đặt trên nền cơ bản của màu chàm. Màu đỏ trung gian này có tác dụng “ngăn chặn” nền chàm hút mất họa tiết hoa văn, đồng thời ngay trên các dải hoa văn có nền đỏ ấy lại có diện tích lớn tạo thành các băng dải dày đậm, “lấn át” chiếm chỗ trên nền chàm. Cùng với đặc điểm của bố cục tập trung, các dải thành khối dày, màu đỏ rực lên, loang rộng ra, thu hẹp diện tích màu chàm. Trên tấm váy, màu chàm bị lấn át, chẹn phía trên là dải ngang có màu đỏ, vàng của thắt lưng, chẹn phía dưới là dải hoa văn đỏ của gấu váy. Ngay ở giữa lại rừng rực các dải đỏ dày án ngữ. Cả phía sau váy cũng vậy. Như vậy, sắc chàm chỉ có ở hai bên váy. Song vị trí bị thu hẹp ấy, nền chàm vẫn bị xé nhỏ đi bởi các họa tiết in sập màu xanh lơ, kết thành các dải dọc chất chùng. Chất rực rỡ càng tăng thêm nhờ sự phối hợp với màu vàng tạo thành những gam màu nóng hoặc để cho màu trung gian như vàng, trắng nổi bật trên nền đỏ, nền chàm đen. Chất rực rỡ còn được tăng thêm nhờ tờ tằm óng mượt, lấp lánh trên các băng dải dọc ngang. Quả thật, nhờ có các diềm vải trắng nhỏ ghép với họa tiết đỏ, bao bọc lấy họa tiết vàng, màu đỏ, màu vàng (gần đây có thêm màu tím) được tôn lên mà không bị nền chàm thâm đánh chìm. Đôi lúc, các hoa văn vàng ở gấu váy, hoa văn trắng ở ống tay, cổ áo lại lóe lên trên nền đỏ trung gian hoặc nền chàm đen tạo ra hiệu quả thị giác sinh động, vui mắt.

Có thể nói, cùng với việc tạo hoa văn trên trang phục, cách sử dụng màu sắc của người Mông đã đạt trình độ thẩm mỹ cao. Không chỉ tôn lên, làm đẹp cho người sử dụng trang phục, mà trang phục Mông với kiểu dáng và màu sắc phong phú, đa dạng còn ẩn chứa những giá trị mỹ thuật dân gian, giá trị văn hóa được hình thành và chùng đúc trong suốt tiến trình phát triển. Đây chính là một phần bản sắc văn hóa nghệ thuật, tư duy mỹ thuật của người Mông trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Màu sắc hoa văn trang trí trên trang phục của người

Mông là một bản “hòa tấu” lung linh, huyền ảo và bất tận. Nếu sự cầu kỳ của hoa văn tạo cho người xem có cảm giác về một lối tư duy đa chiều nhưng chặt chẽ thì sự lung linh của màu sắc khiến người ta cảm nhận được đời sống nội tâm phong phú và sâu lắng. Màu sắc và hoa văn đã phối hợp hài hòa, hợp lý đến mức: trang phục không còn đơn thuần chỉ là đảm đương công năng che thân, giữa âm mà nó đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật độc đáo, nơi thể hiện của những bàn tay tài hoa điêu luyện và nơi trải nghiệm những rung cảm với cả thiên nhiên, đất trời, cỏ cây hoa lá và chất chứa nguồn mỹ cảm, nơi gửi gắm những yếu tố tâm linh của đời sống cộng đồng.



Hình 3: Các cô gái Mông Hoa, Bắc Hà rực rỡ
(ảnh của tác giả - 2018)

Tiếp cận màu sắc, sự biểu cảm của hoa văn qua màu là nhận diện chiều sâu tâm lý, lịch sử, văn hoá cộng đồng, là hướng nghiên cứu cơ bản và cần thiết được đặt ra từ việc vận dụng lý thuyết biểu tượng.

Nhận diện và giải mã ý nghĩa tiêu biểu của hoa văn trên trang phục của người Mông: Hoa văn phản ánh đặc trưng đời sống của người Mông; hoa văn gắn liền với triết lý sống của cộng đồng; hoa văn phản ánh lịch sử tộc người; hoa văn phản ánh giá trị giao thoa văn hoá tộc người... Sẽ không thể nhận diện được chiều sâu văn hoá tộc người qua hệ thống tín hiệu, hoa văn nếu như không nhận biết được ý nghĩa, vai trò, vị trí của các mô típ hoa văn, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trang trí hoa văn. Hoa văn trên trang phục của người Mông dù đã được cách điệu hay còn mang yếu tố tả thực đều đã khẳng định sự thành công trong sự biểu đạt thẩm mỹ. Hoa văn đã thoát ra, vượt lên khỏi sự tự nhiên thô sơ và thay vào đó là tính cách điệu, khái quát ở mức cao. Hoa văn là một trong thành tố căn bản tạo nên sự thành công của một bộ trang phục, nó là giá trị, là ngôn ngữ và bản sắc văn hoá tộc người.

Tuy nhiên cùng với thời gian và quá trình vận động, biến đổi của đời sống văn hoá tộc người, việc đi tìm ý nghĩa của các mô típ hoa văn, đồ án bố cục hoa văn là việc không dễ dàng. Đúng như Nhà nghiên cứu Trần Từ - chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực này đã nhận xét: “Đi tìm ý nghĩa của hoa văn nếu sẩy chân thì có thể bị sa vào thiên la địa võng”. Tuy nhiên việc đi tìm ý nghĩa của các mô típ hoa văn trên đồ vải của người Mông là yêu cầu và là những thông tin góp phần tạo nên giá trị khoa học, ý nghĩa của bài viết.

Kết luận

Nghiên cứu các giá trị thẩm mỹ, nghệ thuật tạo hình của hoa văn trên trang phục của cộng đồng Mông ở Lào Cai là vấn đề mới chưa được quan tâm nghiên cứu dưới góc độ mỹ thuật. Việc vận dụng các lý thuyết, khái niệm liên quan phù hợp với chuyên ngành mỹ thuật để áp dụng vào tìm hiểu và giải mã hoa văn đối với một tộc người cụ thể - cộng đồng tộc người Mông ở tỉnh Lào Cai là một nhiệm vụ tất yếu đặt ra đối với các nhà nghiên cứu mỹ thuật khi nghiên cứu về mỹ thuật dân gian.

Lý thuyết biểu tượng với các khái niệm liên quan là cơ sở khoa học để tác giả tiếp cận hoa văn trên đồ vải của người Mông để giải mã tư duy kỹ thuật, mỹ thuật gắn với các yếu tố bối cảnh văn hóa, kinh tế, xã hội, tộc người... Từ lý thuyết biểu tượng đã gợi mở cho tác giả những phương pháp nhận diện văn hoá tộc người thông qua thẩm mỹ hoa văn với “đời sống” và “số phận” của hoa văn góp phần tạo nên cá tính bản sắc văn hoá tộc người.

Ở nước ta, trong những năm qua, việc tiếp cận hoa văn với những chủ thuyết, bối cảnh khác nhau như tiếp cận hoa văn khi nghiên cứu trang phục, nghiên cứu văn hoá vật thể... và chủ yếu là tiệm cận theo góc nhìn văn hoá học, dân tộc học; ít có công trình chuyên sâu về mỹ thuật. Bài viết này manh nha tiệm cận hoa văn trên đồ vải của người Mông dưới góc độ Lý luận và lịch sử mỹ thuật thông qua áp dụng phương pháp luận nhân học biểu tượng thông qua ngôn ngữ hình học, ngôn ngữ hình tượng và ngôn ngữ màu sắc.

Hoa văn trong đời sống các tộc người nói chung và người Mông nói riêng là một “kênh thông tin mỹ thuật” phản ánh nhiều giá trị về kỹ thuật tạo hình, trang trí; phản ánh nhiều giá trị tư duy thẩm mỹ của các thế hệ trong đời sống tộc người sáng tạo ra về ký hiệu học, hình hoạ, mô típ, bố cục, màu sắc và quan trọng hơn nữa là ý nghĩa của nó đáp ứng các nhu cầu lịch sử, đời sống thẩm mỹ mang đậm bản sắc, cá tính tộc người. Hoa văn phản ánh cách nghĩ, cách cảm, phản ánh hình thái đời sống và phong tục tín ngưỡng, là một yếu tố tất yếu của đời sống tộc người, là niềm tự hào góp phần củng cố niềm tin và ý chí cho từng cá nhân hợp nên sức mạnh cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chevalier J., Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng.
2. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*, Nxb Mỹ thuật.
3. Nguyễn Từ Chi (2003), *Góp phần nghiên cứu Văn hoá và tộc người*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Chinh, Cư Hoà Vàn, Nguyễn Trọng Báu (1996), *Từ điển Việt- Mông: Việt- Hmông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
5. Phạm Đức Dương (1988), *Về vị trí mối quan hệ giữa nhóm Hmông - Dao và các nhóm ngôn ngữ Đông Nam Á*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Phạm Đức Dương (2002), *Thế giới biểu tượng - tiếp cận từ góc độ văn hoá học*, Nxb Viện văn hoá và VH TT, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Bích Hà (2006), *“Mã và mã văn hóa”*, Tạp chí Văn hóa dân gian, Hà Nội.
8. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng - một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
9. Vũ Quốc Khánh (2005), *Người Hmông ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
10. Nguyễn Duy Lãm (1997), *Biểu trưng*, Nxb Mỹ thuật.
11. Mã A Lệnh, Từ Ngọc Vụ (2014), *Tiếp cận văn hoá Hmông*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
12. Hoàng Phê (chủ biên, 1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Nguyễn Văn Hậu (2009), *“Biểu tượng như là đơn vị cơ bản” của văn hóa” tại trang web: <http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/ly-luan-van-hoa-hoc/llvhh-nhung-van-de-chung/1186-nguyen-van-hau-bieu-tuong-nhu-la-don-vi-co-ban-cua-van-hoa.html>, [truy cập vào 16h50' ngày 7/5/2019].*